ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11 /2014/QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 20 tháng 8 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý cảng cá, bến cá trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ: Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 80/2012/NĐ-CP, ngày 08/10/2012 của Chính phủ về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết thi hành một số Điều của Nghị định số 80/2012/NĐ-CP ngày 08/10/2012 của Chính phủ về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

Xét đề nghị của: Sở Tư pháp tại Báo cáo số 50/BC-STP ngày 25/6/2014; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 191/TTr-SNN&PTNT ngày 07/7/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cảng cá, bến cá trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thái Thuỵ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Giám đốc Ban Quản lý các cảng cá, bến cá và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực BCHPCLB-TKCN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Thái Bình;
- Công báo Thái Bình;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Ban hành Quy chế quản lý cảng cá, bến cá trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Ban hành theo Quyết định số 11 /2014/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này quy định việc quản lý cảng cá, bến cá trên địa bàn tỉnh Thái Bình và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng cảng cá, bến cá.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Cảng cá*: là cảng chuyên dùng cho các tàu cá, bao gồm vùng đất cảng và vùng nước đậu tàu:

- Vùng đất cảng bao gồm: cầu cảng, kho bãi, nhà xưởng, khu hành chính, khu dịch vụ hậu cần, đường và sân cảng.

- Vùng nước đậu tàu là vùng nước được giới hạn thiết lập trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu tàu, khu chuyển tải, khu tránh trú bão, luồng ra vào cảng.

2. *Bến cá:* là bến chuyên dùng cho tàu thuyền ra vào, neo đậu bốc dỡ thủy sản, tiếp nhận các dịch vụ hậu cần nghề cá.

3. *Cơ sở hạ tầng cảng cá:* là các công trình, hạng mục công trình trong khu vực cảng cá bao gồm: hệ thống luồng lạch, vùng nước quay trở, neo đậu tàu, cầu cảng, đê, kè bờ, cọc buộc tàu, công trình neo buộc tàu, hệ hống đệm chống va, kè chắn cát, giảm sóng, đường bãi nội bộ, trụ sở làm việc, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, thiết bị báo hiệu, thiết bị đèn chiếu sáng, các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá và các tài sản khác.

4. *Tàu thuyền*: bao gồm tàu cá, tàu vận tải, tàu dịch vụ hậu cần và các cấu trúc nổi khác hoạt động trong vùng nước cảng cá, bến cá.

5. *Rác thải*: là các chất thải ở thể rắn được thải ra từ quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt.

6. *Nước thải*: là chất thải ở thể lỏng được thải ra từ quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt.

7. *Chất thải nguy hại*: là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, dầu và hợp chất có dầu, chất dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc đặc tính gây nguy hại khác.

8. *Ban Quản lý cảng cá, bến cá* (Ban Quản lý): là đơn vị trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động tại cảng cá, bến cá.

Điều 3. Loại hình tổ chức

Ban Quản lý cảng cá, bến cá được tổ chức và hoạt động dưới hình thức sau:

1. Ban Quản lý các cảng cá, bến cá là đơn vị sự nghiệp có thu thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Bình.

2. Ban Quản lý cảng cá, bến cá được tổ chức theo loại hình doanh nghiệp: hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Đầu tư năm 2005 và các quy định của Pháp luật hiện hành được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý, khai thác các cảng cá, bến cá trên địa bàn tỉnh Thái Bình do Nhà nước đầu tư hoặc được Nhà nước cho phép đầu tư để khai thác sử dụng.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN QUẢN LÝ CẢNG CÁ, BẾN CÁ

Điều 4. Quản lý, khai thác các công trình của cảng cá, bến cá

1. Xây dựng, ban hành nội quy của cảng cá, bến cá và thông báo công khai để làm cơ sở quản lý các cá nhân, tổ chức hoạt động trong khu vực cảng cá, bến cá.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế, số lượng, thời điểm tàu thuyền ra vào cảng cá, bến cá: Ban Quản lý tổ chức hoạt động 24/24 giờ vào các ngày trong năm để quản lý, khai thác, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả vùng đất cảng cá, bến cá, vùng nước đậu tàu, tài sản, cơ sở hạ tầng của cảng cá, bến cá được giao quản lý; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn, bảo đảm vệ sinh môi trường, trang thiết bị phục vụ ngư dân.

3. Thông báo tình trạng luồng, lạch, phao tiêu báo hiệu, tình hình an toàn cầu cảng, bến cảng cho các tàu cá ra, vào cảng cá, bến cá; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh, khai thác, sử dụng cảng cá, bến cá theo đúng pháp luật.

4. Tổ chức, hướng dẫn làm thủ tục cho người, tàu cá và các phương tiện khác ra, vào cảng cá, bến cá neo đậu đúng nơi quy định, bảo đảm an toàn. Tổ chức các hoạt động kinh doanh, dịch vụ hậu cần nghề cá và ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân đầu tư vào khai thác, sử dụng cảng cá, bến cá theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Lãnh đạo, nhân viên của Ban Quản lý cảng cá, bến cá được trang bị trang phục bảo hộ lao động (do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định).

6. Lập sổ nhật ký tàu thuyền cập cảng và hàng hoá thông qua cảng để phục vụ công tác thống kê, báo cáo, công tác kiểm tra giám sát hoạt động của cảng cá, bến cá; lập sổ theo dõi tình hình khai thác, sử dụng và tình trạng kỹ thuật các công trình, hạng mục công trình, trang thiết bị thuộc cơ sở hạ tầng cảng cá, bến cá.

7. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cảng, bến cá; đảm bảo sử dụng lâu bền và an toàn mọi tài sản của cảng cá, bến cá.

8. Ban Quản lý tổ chức thực hiện và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hậu cần nghề cá trong khu vực cảng cá, bến cá theo phương án khai thác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật.

9. Không cho thuê hoặc bắt buộc rời khỏi vùng đất cảng cá, bến cá đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, hoạt động tại vùng đất cảng cá, bến cá không tuân thủ Nội quy, Quy chế của cảng cá, bến cá. Trường hợp vi phạm hợp đồng đã ký kết thì tuỳ theo mức độ vi phạm quy định trong hợp đồng, Ban Quản lý cảng cá, bến cá có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, buộc rời khỏi vùng đất, vùng nước của cảng cá, bến cá.

Điều 5. Quản lý tài chính

1. Tổ chức thu và quản lý phí, thực hiện thu chi ngân sách theo quy định. Quản lý hoạt động tài chính của cảng cá, bến cá theo quy định của pháp luật.

2. Mức thu phí dịch vụ và sử dụng kinh phí thu: Theo quy định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

3. Lập kế hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí sự nghiệp cho Ban Quản lý; kinh phí phục vụ cho các hoạt động dịch vụ công ích, nâng cấp, duy tu, bảo

dưỡng cơ sở hạ tầng, máy móc, trang thiết bị để duy trì điều kiện an toàn công trình cảng cá, bến cá.

Điều 6. Công tác phối hợp để quản lý cảng cá, bến cá

1. Phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền:

a) Kiểm tra định kỳ, đột xuất tình trạng và chất lượng công trình cảng cá, bến cá.

b) Thường xuyên thông báo tình hình luồng lạch, phao báo hiệu, cầu cảng, bến cảng cho các tàu cá, phương tiện ra vào cảng cá, bến cá biết.

c) Cung cấp thông tin về thời tiết, tình hình ngư trường, nguồn lợi, giá cả sản phẩm, nội quy và các quy định của Ban Quản lý cho cộng đồng ngư dân sử dụng cảng cá, bến cá.

d) Xử phạt vi phạm hành chính các tổ chức, cá nhân, phương tiện vi phạm quy chế này và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

đ) Điều tra và thực hiện xử lý theo quyền hạn đối với các vụ tai nạn, sự cố trong khu vực cảng cá, bến cá.

e) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thủy sản, cảng cá, bến cá cho các đối tượng liên quan.

g) Phối hợp với các cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Tài nguyên và Môi trường, Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn địa phương thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão, an toàn lao động trong khu vực cảng cá, bến cá; khắc phục hậu quả tai nạn và ô nhiễm môi trường.

h) Trường hợp tàu nước ngoài vào cảng cá, bến cá để giao thương, tránh trú bão, Ban Quản lý phải thông báo ngay cho cơ quan chức năng của địa phương để phối hợp quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng cảng cá, bến cá:

a) Tổ chức thực hiện giữ gìn an ninh, trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn người và tàu cá, phòng chống cháy nổ, tổ chức tập huấn, diễn tập phòng chống cháy nổ, thực hiện giữ gìn vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh trong khu vực cảng cá, bến cá.

b) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức nghiên cứu khoa học trong hoạt động điều tra, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

c) Phối hợp với các cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, Cảng vụ, cơ quan Quản lý thủy sản trong công tác quản lý tàu cá và người nước ngoài hoặc tàu cá, ngư dân Việt Nam đi khai thác ở các ngư trường nước ngoài theo Hiệp định đã được ký kết.

d) Thống kê tàu thuyền, phương tiện, lượng hàng thủy sản, một số loài thủy sản có số lượng lớn thông qua cảng cá, bến cá. Báo cáo định kỳ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thủy sản và đột xuất khi được yêu cầu.

3. Xử lý hoặc đề nghị các cơ quan chức năng của địa phương giải quyết các vụ việc, để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn thực phẩm, an toàn lao động, an toàn giao thông vùng nước ra, vào cảng cá, bến cá; bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ trong khu vực cảng cá, bến cá.

4. Phối hợp với cơ quan Đảm bảo an toàn hàng hải, Cảng vụ, cơ quan Quản lý thủy sản, Cảnh sát đường thủy, Bộ đội Biên phòng trong công tác đảm bảo an toàn hàng hải, an toàn giao thông đường thủy nội địa; an toàn cầu cảng, bến cảng; an toàn cho người và phương tiện ra vào cảng cá, bến cá.

Điều 7. Công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn.

1. Căn cứ tình hình thực tế chủ động xây dựng, tổ chức, triển khai phương án phòng chống áp thấp nhiệt đới, bão lụt; thông báo thường xuyên, kịp thời cho ngư dân

về diễn biến của cơn bão khi có bão. Xây dựng phương án phối hợp công tác phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn với Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn địa phương.

2. Trường hợp có bão, áp thấp nhiệt đới, lụt:

a) Tổ chức trực ban 24/24 giờ trong ngày, chủ động triển khai công tác phòng chống áp thấp nhiệt đới, bão lụt đối với khu vực cảng cá, bến cá. Sử dụng các phương tiện thông tin của Ban Quản lý thường xuyên cập nhật thông tin về bão, áp thấp nhiệt đới và thông báo kịp thời cho các chủ phương tiện tàu thuyền, tổ chức, cá nhân trong khu vực cảng cá, bến cá.

b) Treo tín hiệu báo bão, áp thấp nhiệt đới, lụt.

c) Hướng dẫn, giúp đỡ ngư dân chằng buộc tài sản và tàu thuyền trong thời gian trú bão, áp thấp nhiệt đới. Trong trường hợp đặc biệt phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão của địa phương; các đồn, Trạm Biên phòng trên địa bàn có biện pháp yêu cầu ngư dân không ở lại trên tàu khi đã đưa tàu vào vị trí neo đậu.

d) Báo cáo số lượng, danh sách các tàu thuyền đang tránh, trú bão tại vùng nước cảng, bến cá cho Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

đ) Tham gia tổ chức khắc phục thiệt hại sau khi cơn bão đi qua.

e) Không thu phí neo đậu khi tàu thuyền vào neo đậu tránh trú bão, áp thấp nhiệt đới.

Điều 8. Công tác vệ sinh môi trường

1. Xây dựng quy trình thu gom rác thải, nước thải, dầu thải và cử người hướng dẫn thuyền trưởng thu gom rác thải, bơm nước thải lên hệ thống thu gom.

2. Trang bị hệ thống thu gom rác thải, nước thải, dầu thải trên bờ để tiếp nhận rác thải, nước thải, dầu thải từ tàu thuyền.

3. Tổ chức lực lượng để bố trí, sắp xếp tàu thuyền neo đậu đúng vị trí, thuận tiện cho việc bốc dỡ hàng hóa, thu gom nước thải, rác thải.

4. Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân, thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Chương III
QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG KHU VỰC CẢNG CÁ, BẾN CÁ

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, hoạt động dịch vụ tại cảng cá, bến cá

1. Thực hiện nghiêm túc Quy chế này và Nội quy của cảng cá, bến cá.

2. Giữ gìn, bảo vệ và sử dụng an toàn cơ sở hạ tầng cảng cá, bến cá. Phối hợp với Ban Quản lý cảng cá, bến cá trong việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông trong vùng nước, vùng đất thuộc cảng cá, bến cá.

3. Chấp hành các quy định phòng, chống cháy, nổ, phòng chống lụt bão và giữ gìn vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm trong khu vực cảng cá, bến cá.

4. Khi phát hiện thấy sự cố trong khu vực cảng cá, bến cá phải thông báo kịp thời, chính xác cho Ban Quản lý cảng cá, bến cá biết và tham gia cứu nạn. Tổ chức, cá nhân gây ra tai nạn phải báo cáo và phối hợp với Ban Quản lý cảng cá, bến cá để giải quyết, khắc phục hậu quả tai nạn.

5. Chấp hành sự kiểm tra, giám sát và xử lý của cơ quan có thẩm quyền về kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về an ninh, trật tự; đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản và bảo vệ môi trường trong khu vực cảng cá, bến cá.

6. Cung cấp số liệu đầy đủ, trung thực, kịp thời cho Ban Quản lý cảng cá, bến cá về kết quả sản xuất, kinh doanh thủy sản, hàng hóa tại cảng cá, bến cá.

7. Được khai thác, sử dụng cơ sở hạ tầng, các dịch vụ của cảng cá, bến cá theo hợp đồng và theo quy định của Ban Quản lý và yêu cầu giúp đỡ trong quá trình khai thác, sử dụng cảng cá, bến cá.

8. Được cung cấp thông tin về thời tiết, giá cả sản phẩm, nội quy và các quy định của Ban quản lý cảng cá, bến cá.

9. Nộp đầy đủ và kịp thời các khoản phí theo quy định.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của chủ tàu, thuyền trưởng và thuyền viên khi tàu ra, vào và neo đậu tại vùng nước thuộc cảng cá, bến cá.

1. Trước khi vào cảng cá, bến cá thuyền trưởng hoặc người lái tàu cá phải thông báo trước ít nhất 01 giờ cho Ban Quản lý cảng cá, bến cá về số đăng ký của tàu, cỡ loại tàu, các yêu cầu về dịch vụ và yêu cầu khác (nếu có).

2. Khi tàu cập cảng cá, bến cá bốc dỡ thủy sản, hàng hóa, neo đậu trong khu vực cảng cá, bến cá theo hướng dẫn của nhân viên quản lý cảng cá, bến cá.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ khai báo khi ra, vào cảng cá, bến cá; kiểm tra thiết bị hàng hải, trang thiết bị an toàn tàu cá, các quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản trước khi tàu cập và rời cảng cá, bến cá.

4. Khi tàu vào cảng cá, bến cá phải xuất trình với Ban Quản lý cảng cá, bến cá các giấy tờ sau:

a) Sổ danh bạ thuyền viên, đối với những tàu không có sổ danh bạ thuyền viên phải khai báo danh sách thuyền viên trên tàu.

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (còn giá trị, đối với những tàu thuộc diện phải đăng kiểm).

c) Giấy phép khai thác thủy sản (còn giá trị, đối với tàu không thuộc điện đăng kiểm).

5. Thực hiện lệnh điều động tàu theo yêu cầu của Ban Quản lý cảng cá, bến cá trong trường hợp khẩn cấp.

6. Khi tàu vào cảng cá, bến cá, phải sắp xếp, chằng buộc dụng cụ trên tàu, đảm bảo gọn gàng và chặt, an toàn; khi tàu neo đậu tại vùng nước cảng cá, bến cá cần bố trí thuyền viên trực tàu để theo dõi và bảo quản các trang thiết bị trên tàu trong quá trình neo đậu trong khu vực cảng cá, bến cá.

7. Tàu thuyền vận hành trong vùng nước cảng cá, bến cá phải chủ động di chuyển với một tốc độ an toàn hợp lý và chuẩn bị sẵn sàng đệm va, thực hiện quy tắc phòng ngừa va chạm gây tổn hại đến tính mạng, tài sản đối với người và tàu thuyền khác cũng như gây hư hỏng các công trình của cảng cá, bến cá.

8. Đối với các tàu nước ngoài khi vào khu vực cảng cá, bến cá phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép, chấp hành các quy định về quản lý cảng biển và luồng hàng hải và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp bất khả kháng tàu vào để trú bão, áp thấp nhiệt đới, Ban Quản lý cảng cá, bến cá tiếp nhận và thông báo cho các cơ quan chức năng biết để làm các thủ tục cần thiết đối với tàu nước ngoài vào neo đậu tại vùng nước nội thủy của Việt Nam theo quy định của pháp luật.

9. Thuyền trưởng chịu trách nhiệm về an toàn vệ sinh lao động, phòng, chống cháy, nổ đối với tàu thuyền của mình. Thuyền trưởng phân công cụ thể cho thuyền viên đảm nhận công việc phòng chống cháy nổ trên tàu thuyền.

Điều 11. Phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn

1. Chấp hành các quy định về phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn, phương án sắp xếp, bố trí nơi neo đậu của Ban Quản lý.

2. Sử dụng các biện pháp để đảm bảo an toàn cho tàu thuyền và ngư lưới cụ.

3. Tàu thuyền bị chìm đắm hoặc mắc cạn trong cảng cá, bến cá do bão, lũ gây ra, chủ phương tiện phải kịp thời, chủ động khắc phục hậu quả và thông báo đến cơ quan chức năng để được hỗ trợ.

Điều 12. Đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội.

2. Tổ chức thực hiện, phối hợp với Ban Quản lý trong việc giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống mọi hành vi phá hoại công trình,... phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi gây mất an ninh trật tự, mất an toàn cảng cá, bến cá.

3. Những người không phải là thuyền viên nếu ở lại trên tàu thuyền phải khai báo với cơ quan Biên phòng theo quy định.

Điều 13. Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy, nổ

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy, nổ.

2. Trang thiết bị phòng, chống cháy, nổ (bình chữa cháy, bơm nước, vòi phun nước...) phải được đặt đúng nơi quy định và luôn ở trạng thái sẵn sàng hoạt động.

3. Có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý trong việc phát hiện và xử lý kịp thời khi có sự cố tai nạn lao động, cháy nổ xảy ra.

Điều 14. Vệ sinh môi trường

1. Đối với tàu thuyền neo đậu trong cảng cá, bến cá

a) Tất cả tàu thuyền khi vào cảng cá, bến cá phải thực hiện việc thu gom rác thải, nước thải theo lượt cập tàu, đồng thời nộp phí cho Ban Quản lý để vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Trang bị máy bơm nước hoặc thuê máy bơm để bơm nước thải từ tàu thuyền lên hệ thống thu gom nước thải tại cầu cảng.

c) Trang bị dụng cụ chứa rác trên tàu thuyền và phải thực hiện việc thu gom rác thải để đưa lên đổ vào thùng rác đặt tại nơi quy định.

d) Nước thải có lẫn dầu phải được thu gom và xử lý riêng theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

đ) Dầu thải phải được thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu huỷ theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

2. Đối với tổ chức, cá nhân đóng, sửa tàu thuyền, sản xuất nước đá

a) Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận; phải thực hiện đúng và đầy đủ nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường.

b) Phải xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo cam kết tại hồ sơ môi trường và vận hành liên tục trong suốt quá trình hoạt động.

c) Trang bị dụng cụ, phương tiện phục vụ công tác vệ sinh môi trường. Thực hiện việc thu gom rác thải, nước thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3. Đối với tổ chức, cá nhân thu mua thủy hải sản

a) Có bản đăng ký cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, thực hiện đúng và đầy đủ nội dung trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

b) Trang bị các dụng cụ, phương tiện phục vụ công tác vệ sinh môi trường và phải thường xuyên làm vệ sinh nơi thu mua; nước thải, rác thải phải có thùng chứa và đổ đúng nơi quy định.

c) Thuỷ sản phải được bảo quản, lưu giữ trong các dụng cụ chuyên dùng, không để nước rò rỉ ra môi trường.

d) Chỉ được phép tập trung thủy sản tại khu vực đã được Ban Quản lý cho phép.

4. Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm và ăn uống

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

b) Rác thải phải được thu gom và bỏ vào thùng rác. Hàng ngày, phải dọn vệ sinh sạch sẽ nơi kinh doanh buôn bán của mình.

c) Nước thải phải được đưa vào hệ thống thu gom nước thải để xử lý.

5. Đối với tổ chức cá nhân kinh doanh xăng dầu

a) Có cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, thực hiện đúng và đầy đủ nội dung trong cam kết bảo vệ môi trường.

b) Không được để rò rỉ xăng dầu ra vùng đất, vùng nước trong khu vực. Xăng dầu phải được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dùng.

6. Đối với tổ chức cá nhân kinh doanh, dịch vụ kho lạnh

a) Có cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận; phải thực hiện đúng và đầy đủ nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường.

b) Nước từ giàn lạnh, nước làm vệ sinh kho phải được đưa vào hệ thống thu gom xử lý.

Điều 15. Những hành vi bị cấm trong khu vực cảng cá, bến cá

1. Xả chất thải nguy hại theo quy định hiện hành của Luật Bảo vệ môi trường gồm: dầu, nhớt, nước thải bẩn, rác sinh hoạt, đất, đá, cát, sỏi, xác động, thực vật trong khu vực cảng cá, bến cá và vứt bỏ phế thải không đúng nơi quy định.

2. Vận chuyển hàng quốc cấm, hàng có khả năng gây ô nhiễm, độc hại, chất nổ, hàng lậu, hàng giả vào cảng cá, bến cá.

3. Cọ rửa sàn tàu thuyền hoặc hầm hàng xả trực tiếp ra tự nhiên gây ô nhiễm môi trường.

4. Lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

5. Phá hủy, tháo gỡ gây hư hại các công trình, trang thiết bị của cảng cá, bến cá.

6. Điều khiển tàu cá và phương tiện khác sai quy định gây ảnh hưởng đến công trình cảng cá, bến cá.

7. Thực hiện các hành vi gây mất an ninh trật tự, mất an toàn; gây cản trở cho việc quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trong khu vực cảng cá, bến cá.

8. Đỗ, đậu tàu thuyền không đúng nơi quy định.

9. Các hành vi bị cấm khác theo qui định của pháp luật.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình thực hiện quản lý nhà nước đối với các cảng cá, bến cá trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Chỉ đạo Ban Quản lý các cảng cá, bến cá thực hiện Quy chế này tại các cảng cá, bến cá được phân cấp quản lý; xây dựng Nội quy cảng cá, bến cá và phổ biến cho các tổ chức cá nhân liên quan biết để thực hiện.

3. Thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế quản lý cảng cá, bến cá; phối hợp với cơ quan, đơn vị chức năng tổ chức đào tạo, tập huấn về pháp luật, nâng cao kỹ năng quản lý cho cán bộ, nhân viên quản lý cảng cá, bến cá trong toàn tỉnh.

4. Lập sổ danh bạ quản lý cảng cá, bến cá thuộc thẩm quyền quản lý; hàng năm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình hoạt động của các cảng cá, bến cá.

Điều 17. Trách nhiệm các sở, ngành có liên quan

Trong phạm vị chức năng, nhiệm vụ quy định, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử lý các kiến nghị của Ban Quản lý các cảng cá, bến cá trong việc quản lý, sử dụng cảng cá, bến cá trên các lĩnh vực: quản lý chất lượng công trình; quản lý sử dụng đất, mặt nước; quản lý, sử dụng, tài sản và các kiến nghị khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng cảng cá, bến cá trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. UBND các huyện nơi có cảng cá, bến cá

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các cảng cá, bến cá trên địa bàn quản lý.

2. Chỉ đạo các phòng chuyên môn có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã nơi có cảng cá, bến cá hỗ trợ Ban Quản lý cảng cá, bến cá thực hiện tốt Quy chế này.

Điều 19. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý cảng cá, bến cá thì được khen thưởng theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng cảng cá, bến cá và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, không phù hợp với thực tế cần bổ sung, sửa đổi; Giám đốc Ban Quản lý các cảng cá, bến cá báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chỉ đạo tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
20/08/2014 16:44:41